

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/HS-ST
Ngày 23-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Ngọc Túy.

- Bà Nguyễn Thị Đoan.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Chu Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85A/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với:

Bị cáo: Phàng Thị G; Tên gọi khác: không; Giới tính: nữ;

Sinh ngày 01/01/1988, tại xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên;

Cư trú: bản Ph, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Phàng A D, sinh năm 1951. Năm 1985, ông D được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng nhất; Mẹ đẻ: Vàng Thị M, sinh năm 1956; Chồng: Vàng A K, sinh năm 1988; Có 05 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2024, tại xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vũ Ngọc T- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

Bị hại: Ông Trần Văn B, sinh năm 1956.

Nơi cư trú: số E đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (đã chết)

Những người đại diện hợp pháp cho bị hại:

- Cụ Trần Văn H, sinh năm 1929 (bố đẻ ông B).

- Cụ Phạm Thị Q, sinh năm 1930 (mẹ đẻ ông B)

Đều cư trú: Xóm G, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định

- Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1962 (vợ ông B)

- Chị Trần Thị Thúy N, sinh năm 1988 (con ông B)

Đều cư trú: số E đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Chị Trần Thị Thùy M2, sinh năm 1986 (con ông B)

Nơi cư trú: số A đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp cho bị hại: Chị Trần Thị Thùy M2, sinh năm 1986 (con ông B).

Nơi cư trú: số A đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người làm chứng:

Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: thôn M, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo G, ông T; Vắng mặt những người tham gia tố tụng khác).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Phàng Thị G là lao động thời vụ của Công ty M3 ở khu công nghiệp C, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 02/4/2024, hết giờ làm G đi bộ từ công ty R theo lề đường bên trái, hướng Hải Phòng đi Thái Bình, để về chỗ trọ ở tổ B, thị trấn A, cách đó khoảng 300 mét. Đến km số 59 + 130 mét, đối diện cổng Trạm Cảnh sát giao thông cầu N. Đây là đoạn đường thẳng, mặt đường rải nhựa asphalt rộng 27,75 mét, chia thành 02 chiều, chiều xã H đi Thái Bình và ngược lại, được phân chia bằng hàng đinh phản quang và vạch sơn màu vàng, loại vạch đơn dài 02 mét, rộng 0,15 mét, kẻ nét đứt. Chiều Hải Phòng đi Thái Bình có 02 làn đường, làn giáp tim đường rộng 3,4 mét, làn tiếp theo rộng 13,9 mét, được phân chia bằng vạch sơn liền màu trắng rộng 0,2 mét, phía trước cổng Trạm Cảnh sát giao thông cầu Nghìn vạch sơn này kẻ nét đứt; trên lề đường về phía Hải Phòng có biển báo Trạm Cảnh sát giao thông (biển số I.436) và cột mốc H1/59. Chiều Thái B1 đi Hải Phòng có 02 làn đường, làn giáp tim đường rộng 3,4 mét, làn tiếp theo rộng 6,5 mét, được phân chia bằng vạch sơn liền màu trắng rộng 0,2 mét; trên lề đường về phía Thái Bình có biển báo Trạm Cảnh sát giao thông (biển số I.436). Lúc này trời tối, không mưa, đường có đèn điện chiếu sáng hai bên. Gênh dừng lại, đứng ở lề đường quan sát thấy chiều đường hướng Thái Bình đi Hải Phòng không có phương tiện đi tới; chiều đường H đi Thái Bình, cách khoảng hơn 100 mét có ánh sáng đèn xe sau biết là xe mô tô nhãn hiệu BOSS, số loại 100, màu sơn nâu, biển số 18B1- 695.98 do ông Trần Văn

B, sinh năm 1956, cư trú: số E đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định, có giấy phép lái xe mô tô, điều khiển đi trên làn giáp mép đường bên phải, hướng Hải Phòng đi Thái Bình tới. Cho rằng khoảng cách với xe mô tô do ông B điều khiển đủ an toàn nên G không quan sát tiếp mà đi thẳng qua đường để sang lề đường bên phải chiều Hải Phòng đi Thái Bình. Khi đi sang đến làn giáp lề đường bên phải chiều Hải Phòng đi Thái Bình cũng là lúc xe mô tô ông B điều khiển đi tới, phần giỏ xe, cụm đèn pha phía trước xe mô tô đã vào mặt sau khuỷu tay, lưng, hông, đùi phải Gênh. Xe mô tô đổ trái quay ngang trượt rẽ 9,1 mét về phía Thái Bình, tâm bánh trước cách lề đường bên phải 7,9 mét, tâm bánh sau cách vạch sơn màu trắng kẻ nét đứt 3,82 mét; ông B ngã trái va chạm với mặt đường, chảy máu vùng đầu, nằm bất tỉnh cạnh xe mô tô, đầu hướng phía Thái Bình, chân hướng phía Hải Phòng. Gênh bị đẩy ngã lăn trên mặt đường nằm bất tỉnh cách vị trí va chạm khoảng 10 mét, đầu cách mép đường khoảng 7,3 mét. Ông B và G được người dân gọi xe đưa đến Bệnh viện Đ, huyện Q. Ông Phạm Văn T1 đi qua biết có tai nạn giao thông đã đến Công an thị trấn A, huyện Q trình báo. Hậu quả: ông B bị chấn thương sọ não tử vong trên đường đưa đến bệnh viện; Gênh bị chảy máu vùng đầu mặt, cổ tay, cổ chân hai bên... điều trị tại Bệnh viện Đ tới ngày 10/4/2024 xuất viện do từ chối giám định nên không xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể; xe mô tô bị hư hỏng thiệt hại trị giá 331.667 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 76/CT-VKSQP ngày 09/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã truy tố bị cáo G về tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo G đã khai nhận hành vi đi bộ từ lề đường bên trái qua đường để sang lề đường bên phải chiều Hải Phòng đi Thái Bình, nơi không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm vượt dành cho người đi bộ, do không chú ý quan sát trong điều kiện trời tối tầm nhìn bị hạn chế, đã gây tai nạn với xe mô tô ông Trần Văn B điều khiển, hậu quả làm ông B bị tai nạn và tử vong sau tai nạn giao thông. Sau tai nạn bị cáo đã khắc phục hậu quả xảy ra cho bị hại. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo G về tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo G từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo G cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đã giải quyết xong nên không đặt ra giải quyết. Đối với 01 đĩa DVD ghi hình có âm thanh hỏi cung bị cáo được lưu theo hồ sơ vụ án. Về

án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, miễn án án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo ý kiến: Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, ít hiểu biết, vì vậy xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện cải tạo tại địa phương nơi cư trú, chăm sóc và nuôi dưỡng con nhỏ. Về trách nhiệm dân sự do trong quá trình điều tra hai bên đã thỏa thuận và giải quyết xong, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm dân sự.

- Trong phần tranh luận bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên, bị cáo có lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường kèm bản ảnh vụ tai nạn giao thông do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 21 giờ 20 phút ngày 02/4/2024; Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 07/4/2024; Biên bản xem xét bộ quần áo mặc ngoài của bị hại Trần Văn B kèm bản ảnh do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 07/4/2024; Biên bản khám nghiệm tử thi Trần Văn B do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 22 giờ 30 phút ngày 02/4/2024; Phiếu kết quả xét nghiệm hóa sinh ngày 05/4/2024 của Phòng X đối với mẫu máu của ông B; Bệnh án khoa ngoại và tóm tắt hồ sơ bệnh án Phàng Thị G của Bệnh viện Đ và biên bản xác định thương tích ban đầu của bị cáo G do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 09 giờ ngày 03/4/2024. Cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 02/4/2024, tại km số 59 + 130 mét, đường Q, phía trước công Trạm Cảnh sát giao

thông cầu Nghìn, thuộc tổ B, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, bị cáo Phàng Thị G đi bộ từ lề đường bên trái qua đường để sang lề đường bên phải chiều Hải Phòng đi Thái Bình, nơi không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm vượt dành cho người đi bộ, do không chú ý quan sát xe mô tô nhãn hiệu BOSS, số loại 100, màu sơn nâu, biển số 18B1- 695.98 ông Trần Văn B điều khiển đi trên làn giáp mép đường bên phải, hướng Hải Phòng đi Thái Bình tới nên mặt sau khuỷu tay, lưng, hông, đùi phải G đã va chạm với giỏ xe, cụm đèn pha phía trước xe mô tô làm cho xe mô tô đổ trái quay ngang đường, ông B ngã trái va chạm với mặt đường. Hậu quả: ông B bị chấn thương sọ não tử vong trên đường đến bệnh viện, xe mô tô hư hỏng thiệt hại trị giá 331.667 đồng. Hành vi trên của bị cáo G đã vi phạm khoản 3 Điều 32 Luật Giao thông đường bộ, gây hậu quả nghiêm trọng làm chết người. Hành vi đó đã phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm sự an toàn của người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ, bị cáo không tuân thủ quy định của Luật giao thông đường bộ, đi bộ sang đường thiếu chú ý quan sát, đã gây tai nạn đối với xe mô tô ông B điều khiển, làm ông B bị tai nạn và tử vong sau tai nạn giao thông. Vì vậy Hội đồng xét xử cần phải lên một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại để khắc phục hậu quả xảy ra, đại diện bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét nguyên nhân tai nạn giao thông bị hại cũng có lỗi một phần khi tham gia giao thông đã không chấp hành đúng biển báo hiệu đường bộ, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn, ngoài ra bị cáo có bố đẻ được người có công với cách mạng. Vì vậy khi lượng hình cần áp dụng điểm b, s

khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thì cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phù hợp với Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo lao động tự do, không hành nghề lái xe nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Sau khi vụ án xảy ra, bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường chi phí mai táng, thiệt hại tài sản, bù đắp tổn thất về tinh thần cho gia đình bị hại số tiền 15.000.000 đồng. Đại diện bị hại đã nhận số tiền trên không còn yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Xe mô tô nhãn hiệu BOSS, số loại 100, biển số 18B1- 695.98 của bị hại. Ngày 22/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý trả phương tiện, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, giấy phép lái xe mô tô cho đại diện bị hại. Bộ quần áo bị hại mặc ở thời điểm bị tai nạn giao thông sau khi hoàn thành việc xem xét dấu vết đã được trả cho gia đình quản lý. Đối với đĩa DVD ghi hình có âm thanh hỏi cung bị cáo T2 được lưu cùng hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vì vậy cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phàng Thị G phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phàng Thị G 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc gia quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: *Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.* Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. những người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện KSND tỉnh Thái Bình;
- Viện KSND huyện Quỳnh Phụ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Quỳnh Phụ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND xã S.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC